

Số: **185**/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **09** tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế về công tác Thi đua, Khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

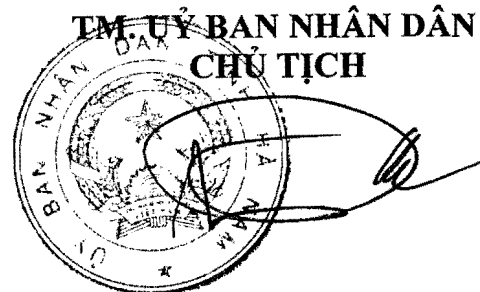
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*gms*

Nơi nhận:

- HĐ Thi đua - Khen thưởng TW;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP, NC, TH;
- Lưu: VT, NC(T).



Nguyễn Xuân Đông

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1125/QĐ-UBND** ngày **09** tháng 7 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NGUYÊN TẮC KHEN THƯỞNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; khối thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với mọi công dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

2. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ

hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

3. Không xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Đối với tập thể:

- Không đăng ký thi đua;
- Có thời gian thành lập, hoạt động dưới 12 tháng;
- Có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ mất đoàn kết; Đảng bộ, chi bộ không đạt trong sạch vững mạnh;
- Có vụ việc sai phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật.

b. Đối với cá nhân:

- Không đăng ký thi đua;
- Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;
- Mới tuyển dụng dưới 10 tháng;
- Nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên (*trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế*);
- Người đứng đầu (hoặc người được phân công phụ trách) cơ quan, đơn vị, cá nhân để xảy ra hoặc trực tiếp liên quan đến vụ việc tiêu cực tham nhũng, sai phạm trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc có dấu hiệu sai phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, KHỐI THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng, được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh về nội dung, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan thông tin đại chúng

Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Đăng ký thi đua

1. Việc đăng ký thi đua để tổ chức, cơ quan có thẩm quyền theo dõi đánh giá thi đua, xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết. Đăng ký thi đua bằng văn bản với nội dung phần đầu cụ thể theo tiêu chuẩn danh hiệu thi đua hoặc nội dung thi đua của cấp tổ chức thi đua đã đề ra.

2. Hàng năm, trước ngày 15 tháng 3 (đối với ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/10), các đơn vị gửi đăng ký thi đua (nêu rõ đăng ký của các tập thể, cá nhân) về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký với Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương trước ngày 31/3 và công khai danh sách đăng ký thi đua từ ngày 01/5 hàng năm (ngày 01/11 hàng năm đối với ngành Giáo dục và Đào tạo).

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” được xét, đề nghị tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam

b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận.

c) Có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong tỉnh do Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận.

c) Có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

2. Các trường hợp được xét, vận dụng thay thế giải pháp, sáng kiến trong việc xét duyệt, công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam:

Cá nhân có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, xét duyệt, bảo vệ, ứng dụng; được tặng "Bằng Lao động sáng tạo" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và tương đương; đạt giải nhất, nhì, ba trong các cuộc thi chuyên môn của tỉnh hoặc khu vực, đạt giải nhất trong các cuộc thi kỹ thuật của tỉnh hoặc khu vực; đạt giải trong các cuộc thi toàn quốc do các bộ, ngành trung ương tổ chức. Đối với ngành Giáo dục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thời điểm đề nghị xét công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam” là năm thứ 3 cá nhân đó đạt được danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sỹ tiên tiến”;

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”.

c) Đạt 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp cơ sở (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Các trường hợp được xét, vận dụng thay thế giải pháp, sáng kiến trong việc xét duyệt, công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở":

Cá nhân là thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc là thành viên đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, xét duyệt, bảo vệ, ứng dụng; được tặng "Bằng Lao động sáng tạo" của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và tương đương; đạt giải nhất, nhì, ba trong các cuộc thi chuyên môn của tỉnh hoặc khu vực, đạt giải nhất trong các cuộc thi kỹ thuật của tỉnh hoặc khu vực; đạt giải trong các cuộc thi toàn quốc do các bộ, ngành trung ương tổ chức; là tác giả hoặc đồng tác giả của các Giải thưởng Nhà nước.

Đối với ngành Công an, Quân sự, Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho không quá 80% cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

e) Đạt 2/3 số phiếu đồng ý, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” (trường

hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Hàng năm Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh lựa chọn 20% tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh để suy tôn, đề nghị Chính phủ tặng cờ thi đua. Tập thể nào có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên sẽ được xem xét đề nghị.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua của tỉnh giao và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc, có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập;

b) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

c) Được bình xét, đánh giá thông qua các khối thi đua.

d) Mỗi khối thi đua lựa chọn 01 tập thể xếp loại “tiêu biểu xuất sắc” trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” để đề nghị cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng Khối thi đua các doanh nghiệp được lựa chọn 05 đơn vị để đề nghị tặng cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh nhân ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10 hàng năm.

đ) Có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp cơ sở và Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp tỉnh suy tôn.

2. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm với mức tiền thưởng và kinh phí hỗ trợ 500 triệu đồng từ Ngân sách tỉnh.

3. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong năm với mức tiền thưởng và kinh phí hỗ trợ 5 tỷ đồng từ Ngân sách tỉnh.

4. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các doanh nghiệp tiêu biểu trong dịp tổng kết năm, tiền thưởng do đơn vị tự chi trả.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho 20% các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

e) Đạt từ 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (*nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu*).

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ tiên tiến" thì được xét tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng".

Điều 17. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho không quá 80% tổng số tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

e) Đạt từ 2/3 trở lên số phiếu đồng ý tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (*nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu*).

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm a, b và d Khoản 1 Điều này có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Chiến sỹ tiên tiến" thì được xét tặng danh hiệu "Đơn vị tiên tiến".

Điều 18. Khối thi đua, kinh phí hoạt động và giải thưởng khối thi đua.

1. Các khối thi đua của tỉnh:

a) Các Khối thi đua các đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

- Khối các Ban xây dựng Đảng và các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy gồm 10 đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Ban Dân vận Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh; Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh; Báo Hà Nam; Trường Chính trị tỉnh.

- Khối Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể gồm 06 đơn vị: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh.

- Khối Nội chính gồm 08 đơn vị: Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Khối Tổng hợp gồm 10 đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh; Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh; Văn phòng HĐND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Cục Thuế tỉnh; Kho Bạc Nhà nước tỉnh; Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; Chi cục Hải quan Hà Nam.

- Khối Kinh tế ngành gồm 08 đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công thương; Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ.

- Khối Văn hoá - Xã hội gồm 07 đơn vị: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao.

- Khối các huyện, thành phố gồm 06 đơn vị: Huyện Bình Lục; Huyện Duy Tiên; Huyện Kim Bảng; Huyện Lý Nhân; Huyện Thanh Liêm; Thành phố Phủ Lý.

- Khối Doanh nghiệp: Có 10 cụm ngành nghề khác nhau gồm:

+ Cụm khai thác, kinh doanh khoáng sản, bất động sản, cao su, hóa chất

+ Cụm kinh doanh điện, điện tử, vật tư và thiết bị ngành điện, cơ khí, nhựa và đồ gia dụng.

+ Cụm kinh doanh khách sạn, nhà hàng, du lịch, thương mại, thực phẩm, rượu, bia, bánh kẹo, nước giải khát và thuốc tân dược

+ Cụm thiết kế, giám sát, thi công công trình xây dựng

+ Cụm sản xuất, kinh doanh xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng

+ Cụm kinh doanh dịch vụ, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, xăng dầu và vận tải

+ Cụm sản xuất kinh doanh dệt, may, da giày, thời trang

+ Cụm sản xuất kinh doanh lương thực, sữa, nông, lâm, thủy, hải sản và thức ăn gia súc

+ Cụm ngân hàng, bảo hiểm, đầu tư tài chính, chứng khoán

+ Cụm các doanh nghiệp FDI

b) Các Khối thi đua các đơn vị thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy quản lý

- Khối các tổ chức Hội: 13 tổ chức Hội

- Khối các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh

c) Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền:

- Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Khối thi đua, xây dựng tiêu chí, hướng dẫn hoạt động của khối thi đua:

- + Khối các Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- + Khối các Trường Mầm non;
- + Khối các Trường Tiểu học;
- + Khối các Trường THCS;
- + Khối các Trường THPT.

- Sở Y tế thành lập Khối thi đua các bệnh viện trên địa bàn tỉnh, xây dựng tiêu chí, hướng dẫn hoạt động của khối thi đua.

- Các huyện, thành phố thành lập khối xã, phường, thị trấn trên địa bàn, xây dựng tiêu chí, hướng dẫn hoạt động của khối thi đua.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố: căn cứ tình hình thực tiễn của đơn vị quyết định thành lập các cụm, khối thi đua cho các đơn vị thuộc và trực thuộc cho phù hợp.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí cho khối thi đua các đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hoạt động với số tiền 03 triệu đồng/01 đơn vị thành viên/năm.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh đánh giá chất lượng hoạt động của các khối thi đua thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy quản lý trong năm, lựa chọn 04 khối thi đua tiêu biểu xuất sắc nhất đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 giải nhất, thưởng 25 lần mức lương tối thiểu; tặng 01 giải nhì, thưởng 20 lần mức lương tối thiểu; tặng 02 giải ba, thưởng 15 lần mức lương tối thiểu.

4. Kết quả thi đua của từng đơn vị thuộc các Khối thi đua diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý sẽ được Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh so sánh với các đơn vị khác trong tỉnh. Nếu vượt điểm bình quân chung, Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh thưởng 300.000đồng/1 điểm vượt (*riêng các huyện thành phố, nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của huyện, thành phố có số điểm cao nhất được thưởng bằng sở, ban, ngành có số điểm vượt bình quân cao nhất*).

5. Các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố căn cứ vào tình hình cụ thể quy định chi tiết Điều này để đảm bảo phong trào thi đua có điều kiện hoạt động hiệu quả, thiết thực, tạo động lực tinh thần thúc đẩy thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị được giao.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để xét, đề nghị tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong thời gian đó có 05 lần được tặng giấy khen trở lên.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để xét, đề nghị tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để xét, đề nghị tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh

c) Đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để xét, đề nghị tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

2. Khen thưởng theo chuyên đề:

Là khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp lao động sản xuất và đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện các chuyên đề thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động; do các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị phát động.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp, thời gian và gửi kế hoạch về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh (*qua Sở Nội vụ*).

Khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền, trường hợp đặc biệt xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) không xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp, thời gian và không gửi kế hoạch về Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) thì không được đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng.

Đối với nông dân, công nhân, người lao động:

- Vào dịp ngày Quốc tế Lao động 1/5 hàng năm, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với các doanh nghiệp, lựa chọn các công nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau để tổ chức tôn vinh và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen:

+ Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tổ chức doanh nghiệp;

+ Có sáng kiến trong lao động, sản xuất mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

- Vào dịp ngày truyền thống của Hội Nông dân 14/10, Hội Nông dân tỉnh phối hợp với các huyện, thành phố lựa chọn các hội viên Hội Nông dân và thành viên Hợp tác xã gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau để tổ chức tôn vinh và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen:

+ Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, hợp tác xã;

+ Có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 2 năm trở lên, giúp đỡ các hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho 05 lao động trở lên.

3. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân đạt giải trong các cuộc thi, hội thi, hội diễn quốc tế, khu vực quốc tế; đạt giải nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) cấp quốc gia.

b) Tập thể, gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đầu tư và thu hút đầu tư.

d) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

e) Một số trường hợp đặc biệt khác do Sở Nội vụ phát hiện, đề xuất khen thưởng.

4. Khen thưởng cho doanh nghiệp, doanh nhân, các tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp:

a) Vào dịp 13/10 hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân là lãnh đạo các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc tiêu biểu.

b) Vào dịp tổng kết cuối năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho những doanh nghiệp, những tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh có thành tích xuất sắc. Tiền thưởng do đơn vị tự chi trả.

5. Khen thưởng trong phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển” và phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” số lượng theo quy định đối với mỗi phong trào.

6. Khen thưởng trong công tác đối ngoại:

Các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh; có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, nhân đạo, từ thiện; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
 - b) Lập được thành tích đột xuất;
 - c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
 - b) Lập được thành tích đột xuất;
 - c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
3. Tỷ lệ được tặng Giấy khen đối với khen thưởng tổng kết hàng năm:
 - a) Đối với cá nhân: không quá 50% trên tổng số những cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".
 - b) Đối với tập thể: không quá 50% trên tổng số những tập thể đạt danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến".
4. Giấy khen để tặng cho gia đình
 - a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội;
 - b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.
5. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Chương IV

XẾP LOẠI CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN

Điều 22. Xếp loại các tập thể, cá nhân

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập, noi theo; các tiêu chí đánh giá đều đạt "Tốt" trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ

được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Xuất sắc" với các sản phẩm cụ thể lượng hóa được (nếu có).

Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên nào của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật.

Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Là các tập thể, cá nhân mà các tiêu chí đều được đánh giá đạt "Trung bình" trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Tốt" trở lên.

Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý đó bị kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả).

3. Tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá xếp loại mức độ "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" và "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" để làm căn cứ bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng.

Tập thể, cá nhân không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Thủ trưởng đơn vị đánh giá xếp loại mức độ "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" và "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" để làm căn cứ bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng hàng năm.

Thời gian các đơn vị đánh giá xếp loại trong tháng 12 hàng năm.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh

1. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Tập thể lao động tiên tiến", Giấy khen thực hiện như sau:

a) Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

b) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Chiến sỹ tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" và giấy khen."

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và giấy khen.”

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” cho lực lượng vũ trang địa phương, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam” (*ngoại trừ các cá nhân thuộc các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh*).

Điều 24. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm có:

a) Tờ trình của đơn vị (02 bản);

b) Biên bản bình xét thi đua, khen thưởng; biên bản kiểm phiếu của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cơ quan, đơn vị (*Đối với tập thể, cá nhân đề nghị các danh hiệu thi đua*) (02 bản);

c) Báo cáo thành tích (*theo mẫu quy định*) của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có dấu giáp lai và xác nhận của cấp đề nghị khen thưởng; Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: 01 báo cáo thành tích;

- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chính phủ: 04 báo cáo thành tích (*đối với khen thưởng đối ngoại, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có yếu tố tôn giáo 08 báo cáo*) có gửi file đính kèm;

- Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước: 05 báo cáo thành tích (*đối với khen thưởng đối ngoại, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có yếu tố tôn giáo 10 báo cáo*) có gửi file đính kèm.

d). Để có căn cứ thẩm định, đề nghị đơn vị trình khen cung cấp các văn bản kèm theo:

- Bản sao các quyết định hoặc bằng khen, giấy chứng nhận của các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng;

- Bản đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng (*căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công chức có xác nhận của cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền*);

- Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài, phát minh, sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo cấp cơ sở và cấp tỉnh, kèm theo đề tài, sáng kiến cấp tỉnh được công nhận (*đối với cá nhân đề nghị danh hiệu Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam, Chiến sỹ thi đua toàn quốc và Huân chương các hạng*).

2. Đối với cá nhân là nông dân, công nhân, người lao động, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

3. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng:

Đối với khen cấp tỉnh: Hồ sơ đề nghị khen thưởng của doanh nghiệp phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm xã hội, tài nguyên môi trường (nếu có).

Đối với khen cấp Nhà nước: Hồ sơ đề nghị khen thưởng của doanh nghiệp phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm xã hội, tài nguyên môi trường và báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng (đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập và Luật Kiểm toán Nhà nước).

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ đề nghị khen thưởng, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 25. Tuyển trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

c) Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức cấp tỉnh, Công đoàn khu công nghiệp; Công đoàn Tổng công ty và tương đương; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên do Liên đoàn Lao động tỉnh trình UBND tỉnh khen thưởng (đối với khen cấp tỉnh) hoặc trình Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (đối với khen thưởng cấp Nhà nước).

5. Đối với các hội ở huyện, thành phố:

Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc huyện, thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Đối với các doanh nghiệp, doanh nhân và các tập thể, cá nhân thuộc các doanh nghiệp:

a) Hàng năm vào dịp kỷ niệm ngày doanh nhân Việt Nam (13/10), Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng và tôn vinh các doanh nghiệp, doanh nhân có thành tích đóng góp xuất sắc trên cơ sở đề nghị của các ngành: Sở Nội vụ; Cục Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan Hà Nam; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh; Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh.

b) Trên cơ sở kết quả xin ý kiến đánh giá của các ngành vào dịp 13/10 và đề nghị khen thưởng của các doanh nghiệp, hàng năm vào dịp tổng kết cuối năm, Sở Nội vụ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng Cờ thi đua, Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam, Bằng khen và đề nghị khen thưởng cho các doanh nghiệp, doanh nhân, tập thể, cá nhân thuộc các doanh nghiệp có thành tích, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuyến trình cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện, thành phố do huyện, thành phố trình UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*);

- Doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh trình UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*);

- Doanh nghiệp Nhà nước trình UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*).

7. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình, thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình; trường hợp thành tích xuất sắc có tác dụng đối với phạm vi toàn tỉnh thì mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng; trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng đối với toàn quốc thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Quy trình xét duyệt khen thưởng

1. Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, Sở Nội vụ thẩm định thành tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định:

a) Đối với tập thể nhỏ và cá nhân không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý:

- Tập thể lao động xuất sắc (*Đơn vị quyết thắng*); Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Xét duyệt khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến.

- Hiệp y để các Bộ, Ban, ngành Trung ương khen thưởng và trình Chính phủ tặng Cờ thi đua, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

b) Đối với tập thể và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng đột xuất.

- Hiệp y để các Bộ, Ban, ngành Trung ương khen thưởng và trình Chính phủ tặng Cờ thi đua, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

2. Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị và thẩm định thành tích của Sở Nội vụ, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh bỏ phiếu đánh giá và suy tôn, báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

- Suy tôn danh hiệu "Chiến sỹ thi đua tỉnh Hà Nam"; danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" đối với các cá nhân đề nghị;

- Suy tôn Danh hiệu "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" và danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" đối với các tập thể đề nghị;

- Xem xét các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân đề nghị.

- Hiệp y để các Bộ, Ban, ngành Trung ương trình khen các danh hiệu vinh dự nhà nước

3. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về:

- Khen thưởng tổng kết năm và khen thưởng cấp Nhà nước của các tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Danh hiệu vinh dự nhà nước diện Ủy ban nhân dân tỉnh trình và diện hiệp y (*kể cả tập thể nhỏ và cá nhân không thuộc diện quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*)

4. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy khen thưởng cấp Nhà nước đối với các tập thể, cá nhân không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

5. Trong trường hợp không thể tổ chức họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh, cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh có thể xin ý kiến các thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng phiếu.

Điều 27. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh gồm các thành viên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách Văn hóa - Xã hội là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh;

c) Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh;

d) Các ủy viên của Hội đồng:

- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy;

- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

- Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy;

- Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;

- Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy;

- Giám đốc Công an tỉnh;

- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Chánh Văn phòng Tỉnh ủy;

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

- Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Giám đốc Sở Tài chính.

- Trưởng ban Thi đua, Khen thưởng - Sở Nội vụ.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh có Quy chế và Kế hoạch hoạt động. Thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng được cung cấp tài liệu; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng nếu có đóng góp tích cực vào phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh, được hỗ trợ kinh phí hoạt động 2 lần mức lương tối thiểu/1 thành viên/năm. Nguồn khen thưởng và hỗ trợ trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Điều 28. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp, các ngành

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp, các ngành là cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng. Số lượng cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của đơn vị quyết định.

2. Nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của đơn vị phân công. Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về nhiệm vụ được phân công.

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp, các ngành có quyền hạn:

- Được cung cấp các tài liệu về thi đua, khen thưởng;

- Được Chủ tịch Hội đồng xem xét, khen thưởng nếu có đóng góp tích cực vào phong trào thi đua và công tác khen thưởng của đơn vị.

- Được hỗ trợ kinh phí hoạt động; Thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp huyện, thành phố được hỗ trợ 01 lần mức lương tối thiểu/1 thành viên/năm; thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp xã và các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh được hỗ trợ 0,5 lần mức lương tối thiểu/1 thành viên/năm. Nguồn khen thưởng và hỗ trợ trích từ Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị.

4. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cấp, các ngành có Quy chế, Kế hoạch hoạt động.

5. Đối với các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh: cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng là Văn phòng (*hoặc Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tổ chức Hành chính*); đối với các huyện, thành phố cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng là phòng Nội vụ các huyện, thành phố; đối với các xã, phường, thị trấn cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng là Văn phòng thống kê Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 29. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 30. Nguồn và mức trích quỹ

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối

với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh, thành phố và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

b) Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách.

2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã vận tải hoặc trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Điều 31. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung);

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định này theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

đ) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân tập thể người nước ngoài, được khen các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

4. Khen cho các doanh nghiệp, doanh nhân và các tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp dịp tổng kết cuối năm kinh phí khen thưởng do doanh nghiệp tự chi trả.

Điều 32. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý.

2. Đối với cấp tỉnh, nguồn kinh phí chi cho công tác thi đua, khen thưởng do Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định. Đề chủ động trong quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trích từ nguồn ngân sách nhà nước vào Quỹ Thi đua, Khen thưởng của tỉnh 10 tỷ đồng/năm và được sử dụng quyết toán theo đúng quy định.

3. Đối với các đối tượng do UBND tỉnh khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng thì tiền thưởng được trích từ Quỹ Thi đua, Khen thưởng của tỉnh. Riêng khen thưởng tổng kết năm của các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân thuộc và trực thuộc doanh nghiệp tiền thưởng do đơn vị tự chi trả.

4. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

Chương VII

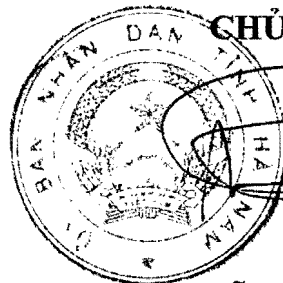
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp tổ chức thực hiện Quy chế này, đồng thời xây dựng, ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất.

Những nội dung nào không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ.

Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện đúng Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh với Sở Nội vụ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông